TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-PT
Ngày 29-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lại văn Tùng

Ông Nguyễn Đức Cảnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:** Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐ-PT ngày 21/12/2023, số 18/2024/QĐ-PT ngày 15/01/2024, số 27/2024/QĐ-PT ngày 30/01/2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thành L, sinh năm 1968; bà Trịnh Thị N, sinh năm 1970

Đều trú tại: Xóm H, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hà Tr, sinh năm 1995

Nơi thường trú: Thôn PX, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1973; bà Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1977

Đều trú tại: Thôn ĐX, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Tống Thị Bích H2, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố Viên 4, đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Th - Công ty luật TNHH TKB

Địa chỉ: Tầng 3, căn hộ LK2B-10 dự án nhà liền kề, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, thành phố Hà Nội

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Thôn Đông Tiền, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

2. Anh Hoàng Văn Lý, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Đội 6, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

3. Chị Đỗ Thị Hà Tr, sinh năm 1995

Nơi thường trú: Thôn PX, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định

4. Anh Đinh Văn Thản, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Đội 9, thôn Đông Mẫu, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa: Có mặt: Bà Đinh Thị Thu H1, chị Đỗ Thị Hà Tr, bà Tống Thị Bích H2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, phía nguyên đơn ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N trình bày:*

Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 là mối quan hệ bạn bè. Gia đình ông, bà làm nghề kinh doanh nên thường xuyên có vốn lưu động. Thỉnh thoảng vợ chồng ông H, bà H1 có hỏi vay tiền của gia đình ông, bà, nhưng chỉ vay trong thời gian mấy ngày. Ông H, bà H1 cho khách khác vay lại để đảo hạn ngân hàng nhưng đều trả nợ sòng phẳng. Mỗi lần vợ chồng ông, bà cho ông H, bà H1 vay có thể giao tiền mặt tại nhà ông bà cho ông H, bà H1 trực tiếp nhận tiền hoặc giao cho nhân viên nhà ông H, bà H1, hoặc có thể chuyển khoản cho bà H1, ông H, hoặc chuyển khoản cho nhân viên nhà ông H, bà H1. Mỗi lần vay, hai bên có thể viết giấy biên nhận, có lần thì không viết giấy biên nhận (nếu ông H, bà H1 vội hoặc những khoản chuyển khoản), có khoản vay thì tính lãi, có khoản vay không tính lãi.

Tối ngày 18/11/2022, vợ chồng ông H, bà H1 đến nhà ông, bà, đặt vấn đề vay của vợ chồng ông, bà số tiền 4.600.000.000 đồng. Ông H, bà H1 nói chỉ vay trong khoảng thời gian 10 ngày để mua đất chứ không phải vay để cho khách vay lại đảo hạn ngân hàng. Do ông H, bà H1 chưa kịp bán đất của gia đình nên chưa lo đủ tiền, cơ hội có người đang bán đất trên Hà Nội nên hỏi vay ông, bà để xử lý việc

mua đất. Vợ chồng ông, bà băn khoăn chưa muốn cho vay thì ông H, bà H1 có nói với ông, bà rằng: "Chỗ chị em mình thân quen lâu nay, em có lừa chị bao giờ đâu, em cần tiền mà chưa bán được đất để xử lý công việc nên mới nhờ đến anh chị. Nếu anh chị không tin thì vợ chồng em sẵn sàng viết giấy gán nợ luôn hai căn nhà của vợ chồng em ở Đọ Xá – Yên Cường và ở Thị Tứ - Yên Thắng cho anh chị. Hai căn nhà em cam đoan với anh chị là vợ chồng em không thế chấp ngân hàng, cũng không có tranh chấp gì cả". Thấy vợ chồng ông H, bà H1 nói vậy, hơn nữa từ trước đến giờ ông, bà vẫn cho ông H, bà H1 vay tiền, nhiều khi giao tiền mặt cho nhau, không kịp viết giấy biên nhận với nhau nhưng cũng chưa từng xảy ra tranh chấp gì, vợ chồng ông H, bà H1 vẫn trả nợ đúng hẹn và sòng phẳng nên ông, bà cũng tin tưởng và đồng ý cho vay. Ông, bà giao tiền mặt cho bà H1, ông H 4.600.000.000 đồng. Ông, bà nói cho vợ chồng ông H, bà H1 vay 4.600.000.000 đồng không lãi suất trong thời hạn 10 ngày thì ông H, bà H1 nói "vậy thì chị cho em vay trong 03 tháng đề phòng em vẫn chưa kịp bán đất", tức là ngày 18/02/2023 sẽ trả hết số tiền 4.600.000.000 đồng. Còn lãi suất, ông H, bà H1 nói "chúng em tự nguyện trả lãi suất cho anh, chị 100.000.000 đồng, coi như cảm ơn anh chị". Bà H1, ông H tự trao đổi với nhau nội dung giấy biên nhận và bà H1 tự viết giấy viết tay theo hướng là Hợp đồng mua bán nhà đất, nội dung: Vợ chồng ông H, bà H1 xác nhận ngày 18/11/2022 có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 4.600.000.000 đồng, trường hợp đến hạn 18/02/2023 ông H, bà H1 không trả được nợ thì phải có nghĩa vụ bàn giao cho vợ chồng ông, bà 02 bất động sản là nhà và đất của ông H, bà H1 ở thôn Đọ Xá, xã Yên Cường và ở Thị Tứ, xã Yên Thắng, hai bên cùng ký vào giấy này làm căn cứ.

Ngày 20/01/2023, bà H1 chuyển khoản cho bà N 100.000.000 đồng cũng không nói rõ lý do chuyển khoản. Ông, bà cũng không hiểu ý ông H, bà H1 là gì nhưng vì ngày cuối năm, ông, bà bận nhiều việc nên cũng quên chưa hỏi lại. Qua tết, đến hạn ngày 18/02/2023, ông H, bà H1 không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông, bà; ông, bà hỏi nợ thì bà H1 có nói ông, bà giao số tiền này cho em trai để đầu tư vào bất động sản, hiện nay do em trai chưa bán được nên chưa thu được tiền về trả cho vợ chồng ông, bà.

Sau nhiều lần đòi nợ, lúc thì ông H, bà H1 nói là đang xoay tiền, lúc thì nói ông H đang cấp cứu, đưa ra rất nhiều lý do để khất nợ. Ngày 15/5/2023, bà H1 mới nhắn tin cho bà N nói rằng hai thửa đất và tài sản trên đất ở hai địa chỉ mà ông H, bà H1 viết giấy cam kết gán nợ cho ông, bà đã được ông H, bà H1 thế chấp vay ngân hàng từ trước khi ông H, bà H1 vay tiền của ông, bà và ngoài việc viết giấy gán nhà cho ông, bà, ông H, bà H1 còn viết giấy gán tài sản này cho nhiều người khác. Vấn đề này khiến cho ông, bà vô cùng bức xúc vì như vậy ông H, bà H1 có chủ ý lừa đảo ông, bà ngay từ đầu. Nay đã quá thời hạn trả tiền, ông H, bà H1 vẫn không trả tiền, cũng không giao tài sản nhà, đất tại 02 địa chỉ như cam kết cho

ông, bà mặc dù ông, bà đã đòi rất nhiều lần.

Thời gian gần đây, ông H, bà H1 cũng đưa ra phương án xử lý là gán nợ cho ông, bà mảnh đất đứng tên người khác trên Hà Nội, nhưng với điều kiện ông, bà phải bỏ tiền ra để trả nợ 3,5 tỷ đồng cho ngân hàng vì mảnh đất này đang thế chấp để vay ngân hàng số tiền 3,5 tỷ đồng nên ông, bà không đồng ý vì ông, bà không muốn lằng nhằng với ngân hàng và với người đứng tên mảnh đất đó.

Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà H1 trả cho ông, bà số tiền 4.600.000.000 đồng đã vay của ông, bà và yêu cầu ông H, bà H1 trả khoản tiền lãi quá hạn là 1%/tháng tính từ ngày 19/02/2023 cho đến khi ông H, bà H1 trả đủ số tiền vay cho ông, bà. Nếu ông H, bà H1 không trả đủ số tiền trên cùng lãi suất cho ông, bà, đề nghị toà án buộc ông H, bà H1 phải giao tài sản là nhà và đất của ông H, bà H1 ở 02 địa chỉ thôn Đọ Xá, xã Yên Cường và ở thôn Thị Tứ, xã Yên Thắng để trừ vào khoản nợ đã vay theo đúng nội dung mà hai bên đã cam kết vào tối ngày 18/11/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông, bà không yêu cầu toà án giải quyết đối với hai tài sản mà ông H, bà H1 thế chấp cho vợ chồng ông, bà vì hiện nay ông H, bà H1 xác nhận đã thế chấp để vay ngân hàng nên ông, bà chỉ yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền đã vay của ông, bà. Nếu kết quả giải quyết của Toà án buộc ông H, bà H1 phải trả nợ cho ông, bà mà ông H, bà H1 không thực hiện việc trả nợ, lúc đó ông, bà sẽ làm đơn yêu cầu cơ quan chức năng xử lý hình sự đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông H, bà H1 về việc dùng tài sản đã thế chấp ngân hàng để lừa đảo, thế chấp cho vợ chồng ông, bà nhằm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông, bà theo quy định của pháp luật hình sự.

Đối với các tài liệu chứng cứ mà bị đơn giao nộp, ông, bà khẳng định các khoản tiền giao dịch giữa hai bên là do bà H1 tự ghi ra để bao biện cho khoản nợ hiện tại. Việc kê khai không đầy đủ, không chính xác và cũng không liên quan đến khoản nợ hiện tại. Ông, bà cho bà H1, ông H vay tiền nhiều lần, nhiều khoản khác nhau, có lần thì chuyển khoản, có lần thì đưa tay, có lần thì bà H1 nhờ nhân viên đến tận nhà ông bà để lấy tiền mặt, cũng có khi trong tài khoản không có tiền nên phải đưa tay, có khi viết giấy, có khi không viết giấy (do ông H, bà H1 vội hoặc do ông, bà bận). Bà N chỉ viết giấy để ghi nhớ món nợ chứ không có chữ ký của bà H1. Các khoản vay chuyển khoản bà N không viết giấy. Các khoản vay trước 18/11/2022 bà H1, ông H chỉ vay trong mấy ngày, để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn mục đích đảo hạn ngân hàng. Cũng có nhiều khoản vay không tính lãi nếu chỉ vay trong ngày. Khoản vay này là nhiều nhất và lâu nhất, ông, bà không chuyển khoản mà giao tiền mặt cho ông H, bà H1. Trước khi cho ông H, bà H1 vay khoản tiền này, ông H, bà H1 không còn nợ ông, bà khoản nợ nào nữa.

** Theo bản tự khai, đơn nêu quan điểm và yêu cầu phản tố, bị đơn ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 trình bày:*

Ông bà và vợ chồng ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N có mối quan hệ quen biết nhau từ lâu. Từ đầu năm 2020, do khả năng và nhu cầu của mỗi bên, khi có công việc thì giữa ông bà và ông L, bà N lại có giao dịch vay mượn tiền với nhau. Cụ thể, ông, bà là người vay và bà N là bên cho vay. Các khoản vay đó đều tính lãi và ông, bà luôn trả gốc và lãi sòng phẳng cho bà N như đã thỏa thuận. Đến năm 2022 ông, bà trục trặc trong công việc làm ăn. Số tiền vay đến thời điểm 14/01/2022 là: 7.350.000.000đ (Bảy tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), trong đó chi tiết những lần giao dịch gồm:

- Ngày 18/01/2022 chuyển trả 613.025.000đ (Sáu trăm mười ba triệu không trăm hai lăm nghìn đồng) Theo mã giao dịch 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 21/757279754 ngày 18/01/2022. Trong đó: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) tiền gốc và 113.025.000 đ (Một trăm mười ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi

- Ngày 27/01/2022 chuyển trả 507.700.000đ (Năm trăm linh bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) theo mã giao dịch 13088019101970 Ngân hàng MSB số EBANKING 21/740468659 ngày 27/01/2022 số tiền 440.000.000đ. Mã giao dịch 382522119JXA1L8A ngân hàng ViettinBank ngày 27/01/2022 số tiền 67.700.000đ. Trong đó: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) gốc và 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 31/01/2022 chuyển trả 307.245.000đ (Ba trăm linh bảy triệu hai trăm bốn lăm nghìn đồng). Theo mã giao dịch 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 23/7311944461 ngày 31/01/2022. Trong đó: 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 7.245.000đ (Bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 24/02/2022 chuyển trả 585.700.000đ (Năm trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng). Theo mã giao dịch 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 22/914602131 ngày 24/02/2022 số tiền 504.000.000đ; 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 21/138027277 ngày 25/02/2022 số tiền 60.000.000đ; Còn 21.700.000đ trả bằng tiền mặt. Trong đó: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 335.700.000đ. (Ba trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 25/3/2022 chuyển trả 834.800.000đ (Tám trăm ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) theo mã giao dịch 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 21/609200205 ngày 25/3/2022. Trong đó 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) tiền gốc, 34.800.000đ (Ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 29/4/2022 chuyển trả 1.097.500.000đ (Một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo mã giao dịch 13088019101970 ngân hàng MSB số EBANKING 20/226549353 ngày 29/4/2022. Trong đó: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng tiền gốc) và 97.500.000 đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 30/4/2022 chuyển trả 769.300.000đ (Bảy trăm sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng) tiền gốc và 69.300.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 12/7/2022 đến 20/9/2022 không thấy ông, bà trả tiền, bà N yêu cầu ông, bà xuống chốt số tiền còn nợ và tính lãi như sau: Số tiền gốc còn lại là 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng); Ngày 29/6/2022 ông, bà vay Bà N 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); Ngày 12/7/2022 ông bà vay bà N 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Khoản 3.300.000.000đ (Ba tỉ ba trăm triệu đồng) vay ngày 14/01/2022 đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay 240 ngày x 4.950.000 đồng/ngày= 1.188.000.000đ (Một tỉ một trăm tám mươi tám triệu đồng) tiền lãi.

- Khoản 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) vay ngày 29/6/2022 đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay 84 ngày x 1.500.000 đồng/ngày= 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) tiền lãi.

- Khoản 1.200.000.000đ (Một tỉ hai trăm triệu đồng) vay ngày 12/7/2022 đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay 71 ngày x 1.800.000 đồng/ngày = 127.800.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Dưới áp lực bởi các khoản vay với bà N, ông, bà phải xoay sở vay mượn gia đình, bạn bè, đồng thời phải bán xe ô tô, bán nhà Hà Nội thế chấp nhà đất để vay ngân hàng có tiền trả nợ các khoản gốc và lãi đã vay bà N. Ngày 15/10/2022 ông, bà đã trả cho bà N 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và ngày 18/11/2022 ông, bà trả cho bà N 2.000.000.000đ (Hai tỉ đồng).

Tối ngày 18/11/2022, bà N yêu cầu ông, bà đến nhà để tiếp tục chốt nợ. Tại nhà ông L, bà N, hai bên chốt lại ông bà còn nợ ông L, bà N số tiền gốc là 3.500.000.000 đồng (Ba tỉ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất là 1.100.000.000 đồng (Một tỉ một trăm triệu đồng), tổng nợ là 4.600.000.000 đồng (Bốn tỉ sáu trăm triệu đồng). Sau khi chốt nợ xong, gia đình bà N yêu cầu ông, bà viết giấy bán nhà với nội dung cơ bản như sau: Ông, bà đồng ý bán cho ông L, bà N 02 căn nhà đất tại địa chỉ Đọ Xá, Yên Cường, Ý Yên và Thị Tứ, Yên Thắng, Ý Yên với giá bằng đủ số nợ của ông, bà với bà N là 4.600.000.000 đồng. Ông, bà đã nhận đủ tiền. Nếu như đến ngày 18/02/2023 ông, bà hoàn trả lại số tiền đã nhận trên cho ông L, bà N thì tài sản trên sẽ thuộc về ông, bà. Còn nếu không trả lại được thì toàn bộ diện tích nhà nêu trên sẽ thuộc về quyền sở hữu của ông L, bà N. Nội dung giấy này do con gái bà N là chị Trang đã đọc cho ông, bà viết. Mặc dù 02 nhà đất này

gia đình ông L, bà N cũng biết rõ là ông, bà đã thế chấp vay ngân hàng để có tiền trả một phần nợ cho ông L, bà N trước đó. Đến ngày 20/01/2022, ông, bà mới thu xếp trả cho ông L, bà N số tiền là 100.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản của bà N.

Từ trước đến nay, ông H, bà Hòa vẫn xác nhận có nợ ông L, bà N số tiền là 4.600.000.000 đồng trong đó nợ gốc là 3.500.000.000 đồng và lãi suất là 1.100.000.000 đồng. Do ông, bà gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn nên đã nói với ông L, bà N để ông bà thu xếp trả dần khoản nợ gốc, còn lãi suất 1.100.000.000 đồng và lãi suất quá hạn thì ông bà không trả nữa nhưng ông L, bà N không nhất trí. Nay tìm hiểu pháp luật được biết theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay... ". Do vậy, đối với các khoản vay trước thời điểm ngày 18/11/2022 thì ông, bà chỉ phải chịu lãi suất tính theo quy định của pháp luật như sau:

1. Khoản 3.300.000.000đ (Ba tỉ ba trăm triệu đồng) vay ngày 14/01/2022 chốt đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay là 240 ngày.

-{(3.300.000.000 x 20%): 365 ngày} x 240 ngày = 433.972.602 đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng).

2. Khoản 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vay ngày 29/6/2022 chốt đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay là 84 ngày.

- {(1.000.000.000 x 20%): 365 ngày} x 84 ngày = 46.027.397đ (Bốn mươi sáu triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

3. Khoản 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) vay ngày 12/7/2022 chốt đến ngày 20/9/2022. Thời gian vay là 71 ngày.

- {(1.200.000.000 x 20%): 365 ngày} x 71 ngày = 46.684.931 đồng (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mốt đồng).

Tổng 03 khoản vay số tiền gốc 5.500.000.000 đồng trên thì ông, bà phải chịu lãi suất là 526.684.930 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Số tiền ông, bà đã trả cho bà N:

- Ngày 15/10/2022 trả 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

- Ngày 18/11/2022, trả 2.000.000.000đ (Hai tỉ đồng)

- Ngày 18/01/2023 trả: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Như vậy: tổng số tiền gốc ông, bà vay nợ ông L, bà N là: 5.500.000.000đ (Năm tỉ năm trăm triệu đồng) và lãi tính đến ngày 20/9/2022 theo quy định của pháp luật thì ông, bà phải chịu 526.684.930 đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi đồng). Tổng số tiền cả gốc cả lãi

ông, bà nợ bà N đến ngày 18/11/2022 là 6.026.684.930 đồng – 2.400.000.000 đồng = 3.626.684.930 đồng (Ba tỉ sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi đồng). Theo quy định pháp luật, số tiền chính xác mà ông bà phải trả cho ông L, bà N cả gốc và lãi là: 3.626.684.930 đồng (Ba tỉ sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi đồng), đề nghị Tòa án xem xét:

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà N yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả 4.600.000.000 (Bốn tỉ sáu trăm triệu đồng).

- Tính lãi suất theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của bị đơn để bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L, bà N hoàn trả cho ông, bà số tiền lãi suất bất hợp pháp đã nhận đối với khoản vay từ 2020 đến trước ngày 18/11/2022 theo chứng từ Ngân hàng. Cụ thể:

- Tổng số tiền đã vay là: 158.475.300.000 VNĐ (1) (Tại sổ phụ tại Tài khoản Ngân hàng: Techcombank, TK số 19034519947016 là 52.535.800.000VNĐ + MSB TK số 13088016160677 là 49.114.200.000VNĐ + Vietinbank, TK 109886222266 là 3.820.000.000VNĐ + Agribank 469.500.000VNĐ)

- Tổng số tiền đã trả cả gốc và lãi là: 170.175.660.000VNĐ (2) (Tại sổ phụ tại Tài khoản Ngân hàng: Techcombank là 41.917.330.000VNĐ + MSB là 127.484.070.000 VNĐ + Vietinbank là 774.200.000VNĐ)

- Số tiền lãi đã trả là: (2)-(1) = 11.700.360.000VNĐ (3)

Tiền lãi ông L, bà N thu 2.000VNĐ/01 triệu đồng/ngày, có lúc giảm là 1.500VNĐ/1 x 01 triệu đồng/ngày. Vậy lãi suất trung bình tạm tính là 1.750VNĐ x 01 triệu đồng/ngày = 5,25%/tháng = 63%/năm (gấp hơn 03 lần lãi suất BLDS quy định).

Vậy số tiền lãi thu quá quy định pháp luật là 43%/năm, tương ứng với tỷ lệ 68,2538%/năm trong tổng số tiền lãi ông, bà đã trả, số tiền lãi thu quá quy định là 68,2538% x (3) = 7.985.940.000 VNĐ. Ông bà yêu cầu ông L, bà N phải hoàn trả lại cho ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại biên bản hòa giải thành ngày 15/6/2023, ông L, bà N và ông H, bà H1 đã thống nhất nội dung: Bà H1, ông H có nợ ông L, bà N số tiền 4.600.000.000 đồng. Ngày 20/01/2023, bà H1 đã chuyển khoản trả nợ cho ông L, bà N 100.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 4.500.000.000 đồng. Nay ông H, bà H1 đồng ý sẽ có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông L, bà N số tiền 4.500.000.000 đồng. Ông L, bà N không yêu cầu ông H, bà H1 trả tiền nợ lãi quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến nay. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1, ông H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật. Ngày 20/6/2023 ông H, bà H1 có văn bản thỏa thuận v/v chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Ngày 21/6/2023 bà H1 có đơn yêu cầu về việc hủy bỏ biên bản hòa giải vào ngày 15/6/2023. Ngày 26/6/2023, ông H có đơn yêu cầu về việc hủy bỏ biên bản hòa giải vào ngày 15/6/2023. Ngày 19/6/2023 tại đơn đề nghị, ông L, bà N đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng và lãi suất quá hạn 1%/tháng của số tiền 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 19/02/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà N trình bày: Ông L, bà N xác nhận việc giữa ông, bà và ông H, bà H1 lập Hợp đồng mua bán nhà, đất ngày 18/11/2022 để chuyển nhượng nhà, đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông L, bà N đối với hai thửa đất tại Thôn ĐX, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định và tại thôn Thị Tứ, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với tổng giá trị chuyển nhượng 4.600.000.000 đồng, thời hạn thỏa thuận đến ngày 18/02/2023 thực chất để làm tin đối với việc ông H, bà H1 vay khoản tiền 4.600.000.000 đồng của ông, bà, thời hạn vay kể từ ngày 18/11/2022 đến ngày 18/02/2023, không có thỏa thuận về lãi. Đề nghị Tòa án xác nhận nội dung vay nợ số tiền 4.600.000.000 đồng có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không có thỏa thuận về lãi suất. Ông H, bà H1 đã trả được 100.000.000 đồng, còn 4.500.000.000 đồng đề nghị Tòa án buộc ông H, bà H1 trả cho ông L, bà N số tiền còn lại là 4.500.000.000 đồng cùng tiền lãi được tính là 1%/tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 19/02/2023 cho đến khi ông H, bà H1 trả hết nợ.

Ông L, bà N, chị Trang đồng ý với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà H1 trình bày: Bị đơn xác định trong tổng số nợ 4.600.000.000 đồng mà bà H1, ông H nợ ông L, bà N thì chỉ có 2.493.130.000 đồng là nợ gốc, số tiền còn lại 2.106.870.000 đồng là khoản tiền lãi mà ông H, bà H1 phải trả cho ông L, bà N vượt quá quy định của pháp luật đối với các khoản nợ mà ông H, bà H1 vay của ông L, bà N trước thời điểm ngày 18/11/2022. Vì vậy, đề nghị HĐXX chỉ buộc ông H, bà H1 phải trả nợ ông L, bà N tổng số tiền gốc là 2.493.130.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông H, bà H1 tại phiên toà có quan điểm xác nhận ông bà có nợ bà N, ông L số tiền 4.600.000.000 đồng, trong đó 3.500.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất đến ngày 18/11/2022 là 1.100.000.000 đồng. Nay ông bà chỉ nhất trí trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi suất và lãi suất quá hạn cho ông L, bà N.

Sau khi nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trình bày luận cứ thì ông bà thay đổi quan điểm, nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp, ông bà chỉ chấp nhận trả nợ ông L, bà N tổng số tiền gốc là 2.493.130.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Áp dụng các Điều 117, 119, 122, 124, 131, 132, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; Căn cứ các Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà, đất ngày 18/11/2022 được lập giữa ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 là vô hiệu do giả tạo và không đúng về mặt hình thức.

3. Buộc ông H, bà H1 phải trả nợ cho ông L, bà N số tiền nợ gốc 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), cùng tiền nợ lãi tính bằng 0,83%/tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 19/02/2023 cho đến khi ông H, bà H1 trả hết nợ cho ông L, bà N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm trả và án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị Thu H1 làm đơn kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không xác định bản chất thật sự của quan hệ dân sự, không đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến việc ra bản án không đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị Thu H1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà H1 trình bày: Bị đơn xác định trong tổng số nợ 4.600.000.000 đồng mà bà H1, ông H nợ ông L, bà N thì chỉ có 2.493.130.000 đồng là nợ gốc, số tiền còn lại 2.106.870.000 đồng là khoản tiền lãi mà ông H, bà H1 phải trả cho ông L, bà N vượt quá quy định của pháp luật đối với các khoản nợ mà ông H, bà H1 vay của ông L, bà N trước thời điểm ngày 18/11/2022. Mặt khác, tại cuốn sổ theo dõi công nợ của bà H1 tại lần chốt nợ đề

ngày 20/9/2022 (âm lịch) có 2 chữ số là 500.800.000 và 902.000.000 cần phải tiến hành giám định có phải do chị Trang là con gái của ông L, bà N viết ra không để đánh giá quá trình vay, chốt nợ của hai bên.Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét hủy án sơ thẩm để giải quyết lại do cấp sơ thẩm bỏ sót chứng cứ quan trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Trường hợp TAND tỉnh không hủy án thì đề nghị HĐXX xem xét chỉ buộc ông H, bà H1 phải trả nợ ông L, bà N tổng số tiền gốc là 2.493.130.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Về nội dung hợp đồng mua bán nhà, đất: Ngày 18/11/2022, giữa ông L, bà N và ông H, bà H1 xác lập "Hợp đồng mua bán nhà, đất". Hình thức của Hợp đồng: Viết tay, không được công chứng, chứng thực, hợp đồng đã được bên mua và bên bán ký kết. Đối tượng của hợp đồng mua bán: 02 bất động sản của ông H, bà H1 tại Thôn ĐX, xã YC, huyện YY, tỉnh Nam Định và tại thôn Thị Tứ, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Nội dung: Ông H, bà H1 thỏa thuận bán 02 bất động sản kể trên cho ông L, bà N với số tiền 4.600.000.000 đồng. Ông H, bà H1 xác nhận đã nhận đủ số tiền trên, trong thời hạn 03 tháng ông H, bà H1 có nghĩa vụ và trách nhiệm bàn giao cho ông L, bà N 02 bất động sản kể trên. Nếu đến ngày 18/02/2023, ông H, bà H1 hoàn trả lại số tiền 4.600.000.000 đồng cho ông L, bà N thì 02 bất động sản sẽ thuộc về ông H, bà H1. Nếu không trả được thì 02 bất động sản sẽ thuộc về ông L, bà N.

Ông L, bà N xác nhận Hợp đồng mua bán nhà, đất giữa ông L, bà N và ông H, bà H1 là hình thức bảo đảm để ông L, bà N cho ông H, bà H1 vay số tiền 4.600.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 18/11/2022 đến ngày 18/02/2023, không thỏa thuận về lãi suất.

Ông H, bà H1 cho rằng Hợp đồng mua bán nhà, đất ngày 18/11/2022 là nhằm che giấu việc cho vay lãi nặng giữa ông L, bà N và ông H, bà H1. Ông L, bà N đã yêu cầu ông H, bà H1 viết Hợp đồng mua bán nhà, đất với nội dung như vậy chứ thực ra hai tài sản nhà đất này đã được ông bà thế chấp để vay ngân hàng từ trước khi viết giấy giao dịch với ông L, bà N.

Quan điểm này của nguyên đơn và bị đơn chứng tỏ hợp đồng mua bán nhà đất giữa hai bên đã xác lập là giả tạo. Hình thức của Hợp đồng mua bán nhà, đất không đúng với quy định tại Điều 117, 502 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Vì vậy, cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại Điều 122, 124 Bộ luật dân sự. Tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà, đất ngày 18/11/2022 được lập giữa ông Đỗ Thành L, bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 là vô hiệu do giả tạo và không đúng về mặt hình thức là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Việc ông H, bà H1 vay tiền của ông L, bà N ngày 18/11/2022:

Ngày 18/11/2022 tại nhà ông L, bà N, bà H1 đã tự tay viết trong Hợp đồng mua bán nhà đất thể hiện việc ông H, bà H1 xác nhận "*đã nhận đủ*" số tiền 4.600.000.000 đồng, không có nội dung nào thể hiện số tiền 4.600.000.000 đồng mà ông H, bà H1 nợ ông L, bà N là nợ gốc và lãi cộng dồn từ trước ngày 18/11/2022 trong đó nợ gốc là 3.500.000.000 đồng, nợ lãi là 1.100.000.000 đồng. Bà H1, ông H giao nộp các sao kê tài khoản ngân hàng và các giấy báo nợ, giấy báo có liên quan đến những giao dịch vay nợ với ông L, bà N nhưng chưa đủ để chứng minh được số tiền vay 4.600.000.000 đồng ông bà viết giấy vay của ông L, bà N có nguồn gốc từ việc gộp các khoản nợ gốc và tiền vay lãi cao từ thời điểm trước ngày 18/11/2022 giữa ông L, bà N và ông bà. Ông L, bà N cũng xác nhận các khoản vay trước ngày 18/11/2022 giữa hai bên đã thanh toán hết, ông H, bà H1 không còn nợ ông L, bà N khoản tiền nào nữa. Khoản vay 4.600.000.000 đồng là khoản vay mới, độc lập, không liên quan đến các khoản vay trước đó.

Những người làm chứng anh Đinh Văn Thản, anh Hoàng Văn Lý và chị Đỗ Thị Hà Tr xác nhận có mặt tại nhà ông L, bà N thời điểm tối ngày 25/10/2022 âm lịch (tức ngày 18/11/2022 dương lịch) cùng thời điểm ông H, bà H1 có mặt tại nhà ông L, bà N. Anh Thản, anh Lý, chị Trang cùng nhìn thấy ông H, bà H1 ngồi đếm tiền và cầm tiền từ nhà ông L, bà N ra về, cụ thể là bao nhiêu tiền, chị Trang, anh Thản, anh Lý không biết.

Ông L, bà N, ông H, bà H1 cùng xác nhận ông H, bà H1 đã trả cho ông L, bà N số tiền 100.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản của bà N vào ngày 20/01/2023. Tuy nhiên, việc chuyển khoản 100.000.000 đồng từ bà Hải cho bà N, bà Hải cũng không ghi rõ đó là trả nợ lãi hay trả nợ gốc. Bà H1, ông H cũng không xác định được số tiền này là trả tiền lãi hay trả nợ gốc mà chỉ biết chuyển khoản để trả bớt món nợ cho ông L, bà N, còn việc xác định là tiền gốc hay lãi bà H1 tuỳ bà N xác định.

Điều này chứng tỏ, việc ông H, bà H1 vay của ông L, bà N số tiền 4.600.000.000 đồng không có sự phân định giữa gốc và lãi như bị đơn đã trình bày, được đối trừ số tiền 100.000.000 đồng mà bà H1 chuyển khoản cho bà N vào ngày 20/01/2023 được trừ vào nợ gốc.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông H, bà H1 phải trả nợ cho ông L, bà N số tiền nợ gốc 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) là có căn cứ quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Việc vay nợ giữa ông L, bà N và ông H, bà H1 là thỏa thuận vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất, cấp sơ thẩm đã buộc ông H, bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyên đơn số tiền gốc 4.500.000.000 đồng và chấp nhận lãi suất tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 19/02/2023 cho đến khi ông H, bà H1 trả hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H, bà H1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số

0002496 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Thu H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

THẨM PHÁN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Mai Anh Tuân **Nguyễn Đức Cảnh**	**Nguyễn Anh Dũng**